TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:31/2022/DS - PT.
Ngày 23 tháng 6 năm 2022
"*V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Giang;

Các Thẩm phán: Bà Điêu Thị Bích Lượt;

Ông Nguyễn Việt Tiến;

- *Thư ký phiên tòa: Ông Trần Anh Quang* - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Hồng Yến - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 và ngày 23 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 39/2021/TLPT - DSPT ngày 05 tháng 10 năm 2021 về việc "*Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đấ*". Do bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2021/DS - ST ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 16/2022/QĐPT - DS ngày 08 tháng 3 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa, thông báo mở phiên tòa số: 22/2022/TB – TA ngày 31/5/2022 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: Ông Hà Công N, sinh năm 1949.

Địa chỉ: Khu Q (nay là khu A), xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền cho ông N: Bà Hà Thị L, sinh năm 1949. Địa chỉ: Khu 8, xã H, thành phố V, tỉnh Phú Thọ theo (giấy ủy quyền ngày 09/7/2020).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Lê Văn C, nơi công tác: Công ty luật TNHH P- thuộc đoàn luật sư tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà L: Ông Nguyễn Bá L1, nơi công tác: văn phòng luật sư D - thuộc đoàn luật sư tỉnh Phú Thọ.

2. **Bị đơn**: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1934.

Địa chỉ: Khu 3 Q (nay là khu A), xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà T:

Anh Hà Công T1, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Khu 3 Q (nay là khu A), xã T, huyện C,

tỉnh Phú Thọ (theo giấy ủy quyền ngày 29/5/2020).

3. **Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan**:

3.1. UBND huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Cù Xuân Â - Chức vụ: chủ tịch UBND huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Ngọc H - Chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên & môi trường huyện C, Phú Thọ (theo giấy ủy quyền số 376/GUQ – UBND ngày 11/3/2021).

3.2. UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu M - Chức vụ: Chủ tịch UBND xã T, huyện C, Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Danh P - Chức vụ: Phó chủ tịch UBND xã T, huyện C, Phú Thọ (theo giấy ủy quyền số 15/GUQ ngày 23/3/2022).

3.3. Anh Hà Công K, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Khu A, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

3.4. Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1940.

Địa chỉ: Khu A, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

3.5. Chị Hà Thị T2, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn Minh Quyết, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

3.6. Anh Hà Công H, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Khu 3 Q (khu A), xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà L, anh H là anh Hà Công K, sinh năm 1970. Địa chỉ: khu A, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

3.7. Anh Hà Công K1, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Khu 3 Q (khu A), xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

3.8. Anh Hà Công P, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Khu 3 Q (khu A), xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

3.9. Anh Hà Công V, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Khu 3 Q (khu A), xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

3.10. Anh Hà Công T1, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Khu A, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

3.11. Anh Hà Công T4, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Khu A, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

3.12. Chị Hà Thị L1, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Khu 4, Tuy lộc, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

3.13. Chị Hà Thị T3, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện B, tỉnh Yên Bái.

3.14. Chị Hà Thị H1, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Khu 10, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền cho anh T4, chị Thi, chị L1, chị H1 là anh Hà Công T1, sinh năm 1975. Địa chỉ: Khu 3 Q (nay là khu A), xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

3.15. Ông Hoàng Đình T, sinh năm 1931.

Địa chỉ: Khu T, xã L, huyện Y, tỉnh Phú Thọ.

3.16. Chị H5g Thị H4, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Khu Trung tâm, xã L, huyện Y, tỉnh Phú Thọ.

3.17. Chị H5g Thị H5, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Khu X, xã L, huyện Y, tỉnh Phú Thọ.

3.18. Anh Hoàng Việt H2, sinh năm 1958.

Địa chỉ: số 50/3, đường 6, khu phố 5, phường T, thành phố Đ, thành phố Hồ Chí Minh.

3.19. Anh Hoàng Minh H3, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Khu Thành Công, thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

3.20. Anh Hoàng Minh H6, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Khu Thành Công, thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

3.21. Anh Hoàng Minh Hà, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Khu T, xã L, huyện Y, tỉnh Phú Thọ.

3.22. Anh Hoàng Minh H7, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Khu T, xã L, huyện Y, tỉnh Phú Thọ.

3.23. Chị H5g Thị H8, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Khu Trung Tâm, xã L, huyện Y, tỉnh Phú Thọ.

3.24. Bà Hà Thị N1, sinh năm 1933.

Địa chỉ: Xóm Phú Cường, xã L, huyện Y, tỉnh Phú Thọ. *Người đại diện theo ủy quyền cho bà Nhụ*:

Anh Nguyễn Danh Tâm, sinh năm 1973.

Địa chỉ: xóm Phú Cường, xã L, huyện Y, tỉnh Phú Thọ (theo giấy ủy quyền ngày 27/7/2020).

3.25. Chị Nguyễn Thị T4, sinh năm 1969 và anh Nguyễn Huy B1, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Khu A, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Hà Công P, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Khu 3 Q, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Theo giấy ủy quyền ngày 17/02/2022).

3.26. Bà Hoàng Thị Q, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Khu Q, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hà Thị L, sinh năm 1949.

Địa chỉ: Khu 8, xã Hy Cương, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (Theo giấy ủy quyền ngày 15/10/2021).

3.27. Anh Hà Công Hiệp, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Khu Tân An, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Người kháng cáo: Ông Hà Công N – Nguyên đơn.

(Ông N, bà L, Ông C, Ông L, anh T1, anh P, anh V, anh T4 và chị L1 đều có mặt; ông Nguyễn Danh P có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Hồi, anh Khởi, bà L, chị Thắm, anh H, anh Khiêm, chị Thi, chị H1, ông T, chị H4, chị H5, anh H2, anh H3, anh H6, anh Hà, anh Hạnh, chị H, bà N, bà T, chị T, anh B1, chị Quy, anh H đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, các lời khai tiếp theo nguyên đơn ông Hà Công N trình bày: Cụ Hà Công Q và cụ Nguyễn Thị T cùng chết năm 1970 là bố mẹ đẻ của ông Hà Công N. Hai cụ chết không để lại di chúc gì. Quá trình cụ Q và cụ T chung sống sinh được 05 người con gồm: ông Hà Công X (sinh năm 1925, chết năm 1987), bà Hà Thị Nh (sinh năm 1932, chết năm 2019), ông Hà Công N (sinh năm 1938, chết năm 2008), bà Hà Thị N1 (sinh năm 1933) và ông Hà Công N (sinh năm 1949). Trong quá trình chung sống, cụ Q, cụ T đã tạo dựng được khối tài sản chung gồm 01 diện tích đất 2.148 m^2 tại xã T, huyện C, Phú Thọ, trên đất có 01 ngôi nhà bằng gỗ xoan lợp lá cọ, giường tủ, bàn ghế, đồ thờ. Toàn bộ diện tích đất và tài sản trên khi cụ Q và cụ T chết đã giao cho vợ chồng ông X và bà T (là con trai cả và con dâu) quản lý, sử dụng. Khoảng năm 1980, ngôi nhà gỗ và đồ đạc trong nhà giao cho anh Hà Công T4 (là con trai cả của ông X và bà Trần Thị B là vợ trước của ông X sử dụng), còn bà T và ông X đã xây dựng nhà ở khu vườn phía dưới nhưng trong khuôn viên đất các cụ để lại để ở riêng. Năm 1998, anh T4 đã kê khai toàn bộ phần đất thực tế anh T4 đang sử dụng đã được chính quyền địa phương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Còn bà T đã tự ý kê khai 1.388m^2 đất của các cụ để lại và được UBND huyện Sông Thao (nay là huyện C) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi làm thủ tục kê khai đề nghị chính quyền địa phương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà T và chính quyền địa phương không hỏi ý kiến của các con cụ Q và cụ T. Nay ông N xác định tài sản của cụ Q và cụ T để lại là toàn bộ diện tích đất của hộ anh T4 và của hộ bà T là di sản của cụ Q và cụ T để lại chưa chia. Đối với toàn bộ phần diện tích đất đã được cấp cho anh T4 và nhà cửa trên đất ông không khởi kiện chia thừa kế, ông nhất trí cho anh T4 sử dụng để thờ cúng tổ tiên do anh T4 là cháu trưởng. Còn đối với toàn bộ diện tích đất đã cấp cho bà T là 1.388m^2 (bao gồm cả diện tích đất bà T đã tặng cho con trai là anh Hà Công V 308m^2 (anh V đã chuyển nhượng lại một phần đất là 154m^2 cho anh Nguyễn Huy B1 và chị Nguyễn Thị T4), ông Hà Công N đề nghị Tòa án xác định nguồn gốc là tài sản của cụ Q và cụ T để lại nằm toàn bộ trong diện tích 2.148m^2 của tờ bản đồ cũ; Đề nghị Tòa án chia thừa kế theo quy định của pháp luật, ông N xin hưởng 1/5 giá trị tài sản và nhận bằng diện tích đất; đề nghị Tòa án

xem xét hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Sông Thao (nay là UBND huyện C) đã cấp cho bà Nguyễn Thị T ngày 15/7/1998, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho anh Hà Công V và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho anh Nguyễn Huy B1 và chị Nguyễn Thị T4.

- Phía Bà Nguyễn Thị T và anh Hà Công T1 (người đại diện theo ủy quyền cho bà T đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án) trình bày:

Cụ Hà Công Q, cụ Nguyễn Thị T là bố mẹ chồng của bà T sinh được 05 người con và đều chết năm 1970 như ông N trình bày là đúng.

Ông Hà Công X là con trưởng của cụ Q và cụ T. Năm 1954, ông X kết hôn với bà Trần Thị B và về chung sống cùng cụ Q và cụ T. Năm 1963, bà Bẩy chết (không để lại di chúc). Quá trình ông X và bà Bẩy chung sống sinh được 03 người con là chị Hà Thị T3, anh Hà Công T4 và chị Hà Thị L1. Sau khi bà Bẩy chết, năm 1965, ông X kết hôn với bà T và sinh được 04 người con là anh Hà Công P, chị Hà Thị H1, anh Hà Công V và anh Hà Công T1. Khi bà T kết hôn với ông X thì cụ Q và cụ T vẫn còn sống, vợ chồng bà sống chung với hai cụ cho đến năm 1970 hai cụ chết. Bà T xác định di sản của cụ Q và cụ T để lại khi chết là 01 ngôi nhà gỗ trên phần diện tích đất anh Hà Công T4 đang sử dụng. Năm 1980, anh em trong gia đình đã nhất trí giao lại cho anh T4 là cháu trưởng được sử dụng và sở hữu để có trách nhiệm thờ cúng tổ tiên. Còn vợ chồng bà T đã sử dụng phần đất khai hoang do nhà nước quản lý phía dưới phần đất cũ để dựng nhà ở và cùng các con sinh sống ổn định trên đất đó. Toàn bộ diện tích đất bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không nằm trong diện tích đất có nguồn gốc của cụ Q và cụ T mà có nguồn gốc từ một phần đất do hợp tác xã trước đây quản lý. Anh T1 xác định, năm 1965, khi bà T kết hôn với ông X và cùng các con về chung sống cùng với cụ Q và cụ T, hai cụ đã già yếu không lao động được, bà T và ông X đã lao động, khai hoang, cải tạo dần đối với diện tích đất của bà hiện nay. Khi ông Nguyễn Hữu Giá chuyển đi bỏ lại đất canh tác, bà T đã cùng các con khai hoang, cải tạo đất. Nhưng do những năm 1980 chính sách đất đai do nhà nước quản lý, người dân phải đóng thuế đối với đất nông nghiệp nên mặc dù bà T cùng các con sử dụng để ở và canh tác trên đất nhưng phần lớn diện tích đất tranh chấp hiện nay vẫn thuộc quyền quản lý của Hợp tác xã nông nghiệp.

Nay ông N khởi kiện đề nghị Tòa án xác định diện tích đất 1.388m^2 là di sản của cụ Q và cụ T để lại và đề nghị chia thừa kế đối đối với diện tích đất này, bà T không nhất trí vì phần đất này không phải là di sản thừa kế của cụ Q và cụ T để lại.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Hà Công V trình bày: Anh là con trai của ông X và bà T, là cháu nội của cụ Q và cụ T. Toàn bộ diện tích đất 1.388m^2 đất bà T được UBND thị trấn Sông Thao cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phải là di sản thừa kế của cụ Q và cụ T để lại. Năm 2013, khi bà T làm thủ tục tặng cho anh V 308m^2 đất, ông N đã có đơn đề nghị giải quyết tranh chấp và đã được chính quyền địa phương giải quyết. Sau khi được chính quyền địa phương đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh V đã chuyển nhượng lại cho anh Nguyễn Huy B1 và chị Nguyễn Thị T4 154m^2 đất trong phần diện tích đất mà bà T đã tặng cho quyền sử dụng đất. Tại thời điểm năm 2015, Tòa án nhân dân huyện C đã có văn bản thông báo trả lại đơn khởi kiện cho ông N do vụ việc hết thời hiệu khởi kiện. Anh V khẳng định, việc bà T tặng cho anh quyền sử dụng đất

và anh chuyển nhượng lại một phần đất cho anh B1 chị Tuyển là đúng pháp luật. Toàn bộ diện tích đất của bà T được cấp là do bà T cùng ông X và các con trong quá trình chung sống đã khai hoang, cải tạo trên đất của hợp tác xã nông nghiệp quản lý. Còn phần đất nguồn gốc của cụ Q và cụ T là phần đất hiện nay anh T4 đang sử dụng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh V không nhất trí yêu cầu của ông Hà Công N chia thừa kế phần đất của bà T.

- Tại các biên bản lấy lời khai ngày 18/9/2020, chị Hà Thị L1, chị Hà Thị T3; bản tự khai ngày 17/6/2021 của chị Hà Thị H1 (do anh Hà Công T1 đại diện theo ủy quyền) thống nhất trình bày:

Chị Thi và chị L1 là con gái của ông Hà Công X và bà Nguyễn Thị Bẩy. Chị Hà Thị H1 là con gái của ông X và bà T. Từ khi sinh ra và lớn lên, các chị cùng với bố mẹ sống chung với cụ Q và cụ T tại ngôi nhà của hai cụ, hiện nay nhà và đất đó đã được giao lại cho anh Hà Công T4 sử dụng và sở hữu để thờ cúng tổ tiên. Năm 1963, thì bà Bẩy chết, sau đó ông X đã kết hôn với bà T và vẫn về chung sống với cụ Q và cụ T. Năm 1970, cụ Q và cụ T chết, gia đình các chị vẫn sinh sống trên nhà và đất của các cụ. Năm 1980, do anh T4 lập gia đình nên ông X và bà T đã xây dựng nhà ở khu đất phía dưới để ra ở riêng cùng các con. Phần đất bà T và ông X xây dựng thời điểm đó là đất vườn rậm cây cối, do bà T và ông X cùng các con cải tạo lại. Các chị được biết đó là diện tích đất do hợp tác xã quản lý, không phải là đất có nguồn gốc của cụ Q và cụ T. Nay ông N khởi kiện chia thừa kế, chị Thi và chị L1, chị H1 không nhất trí chia thừa kế phần đất đã giao cho bà T do diện tích đất này không phải là di sản thừa kế.

- Anh Hà Công T4 và anh Hà Công T1 (đại diện theo ủy quyền của anh T4) trình bày: Anh là con trai của ông Hà Công X và bà Nguyễn Thị Bẩy. Hiện nay anh đang sử dụng toàn bộ đất và nhà do ông cha để lại. Phần đất của anh Hà Công P và phần đất bà Nguyễn Thị T sử dụng có nguồn gốc của ông Nguyễn Hữu Giá từ trước những năm 1965. Sau này ông Giá chuyển đi nơi khác đất đó thuộc nhà nước quản lý. Bố mẹ anh khai phá và canh tác, đến năm 1980 đã xây dựng nhà ở cho đến nay và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T. Ông N khởi kiện tranh chấp với bà T, anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Tại bản tự khai ngày 27/7/2020, anh Hà Công K1 trình bày:

Anh là con trai của ông Hà Công N, cháu của cụ Q và cụ T. Khi anh sinh ra và lớn lên thì cụ Q và cụ T đã chết. Anh chỉ biết ông X, bà T cùng các con sinh sống trên mảnh đất tranh chấp. Anh không biết nguồn gốc mảnh đất tranh chấp. Sau khi ông X chết, bà T và các con vẫn sinh sống trên mảnh đất đó. Nay ông N khởi kiện chia thừa kế, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Nếu anh được hưởng phần di sản của ông N liên quan đến đất tranh chấp, anh giao lại cho ông N sử dụng, anh không nhận di sản.

- Tại bản tự khai ngày 27/7/2020, anh Hà Công H trình bày:

Anh là con trai của ông Hà Công N, là cháu nội của cụ Q và cụ T. Khi anh sinh ra và lớn lên thì cụ Q và cụ T đã chết. Anh không nắm rõ được về nguồn gốc đất của các cụ. Anh được biết, ông X và bà T sinh sống trên đất của ông bà nội.

Năm 1987, ông X chết, bà T vẫn ở trên diện tích đất đó cho đến nay. Nay ông N khởi kiện chia thừa kế của ông bà nội anh, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Nếu anh được hưởng di sản thừa kế của ông N liên quan đến tài sản của các cụ, anh xin nhận.

- ***Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Hà Công K, Bà Hoàng Thị L, chị Hà Thị T2 (bà L, chị Thắm do anh Hà Công K đại diện theo ủy quyền) trình bày***:

Ông Hà Công N (con trai của cụ Q và cụ T) kết hôn với bà Hoàng Thị L và sinh được 04 người con gồm: Hà Công K, Hà Công H, Hà Công K1, Hà Thị T2. Năm 2008, ông Hà Công N chết (ông N không để lại di chúc về tài sản liên quan đến tài sản của cụ Q và cụ T). Tài sản của hai cụ Q và cụ T để lại là những tài sản gì anh không nắm được. Anh được biết khi hai cụ còn sống, diện tích đất của hai cụ để lại hiện nay do anh Hà Công T4 và bà Nguyễn Thị T đang sử dụng. Nay ông Hà Công N khởi kiện chia thừa kế, nếu ông Hà Công N được hưởng di sản, quan điểm của anh và bà L, chị Thắm, anh H đề nghị giao cho ông Hà Công N sử dụng.

- ***Tại phiên tòa, anh Hà Công K trình bày bổ sung***: Tại đơn trình bày của bà L có đề nghị nếu bà được hưởng di sản thừa kế bà đề nghị giao cho chị Quy sử dụng, anh không có ý kiến bổ sung gì về quan điểm của bà L.

- ***Bà Hà Thị N1 (do anh Nguyễn Danh Tâm – đại diện theo ủy quyền trình bày:*** Cụ Hà Công Q và cụ Nguyễn Thị T có 05 người con. Bà Nhụ là con của hai cụ. Bà Nhụ cho rằng đất tranh chấp là của cụ Q và cụ T để lại. Nếu bà được hưởng di sản thừa kế thì bà đề nghị giao lại cho ông Hà Công N sử dụng.

- ***Ông Hoàng Đình T trình bày:*** Cụ Hà Công Q và cụ Nguyễn Thị T có 05 người con. Bà Hà Thị Nh (vợ ông T) chết năm 2019. Khi chết, bà Nhuyễn không để lại giấy tờ, di chúc tài sản gì liên quan đến quyền tài sản của cụ Q và cụ T. Nếu được hưởng di sản thừa kế của bà Nhuyễn để lại liên quan đến tài sản của cụ Q và cụ T, ông từ chối không nhận mà cho cháu Hà Công Hiệp (là con trai của ông Hà Công N). Tại bản tự khai ngày 14/6/2021, ông thay đổi quan điểm nếu được hưởng di sản, ông từ chối nhận di sản và đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật. Ông T và bà Hà Thị Nh có 08 người con gồm: Chị H5g Thị H4, anh Hoàng Việt H2, chị H5g Thị H5, anh Hoàng Minh H3, anh Hoàng Minh H6, anh Hoàng Minh Hà, anh Hoàng Minh H7, chị H5g Thị H8.

- ***Các anh, chị (con của bà Hà Thị Nh và ông Hoàng Đình T) gồm: anh Hoàng Minh Hà, anh Hoàng Minh H7, chị H5g Thị H8, chị H5g Thị H4, chị H5g Thị H5, anh Hoàng Minh H3, anh Hoàng Minh H6, anh Hoàng Minh Hải thống nhất trình bày:***

Về di sản thừa kế của cụ Q và cụ T các anh, chị không biết cụ thể như thế nào vì các anh, chị đều là cháu ngoại của cụ Q và cụ T. Được biết cụ Q và cụ T có nhà và đất tại xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ nhưng diện tích bao nhiêu, hiện nay do ai quản lý các anh, chị không biết. Nếu các anh, chị thuộc diện được hưởng di sản thừa kế, các anh, chị đều từ chối quyền thừa kế, không nhận hưởng di sản. Phần di

sản thừa kế đó đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt các anh, chị tại phiên tòa.

- Anh Nguyễn Huy B1 và chị Nguyễn Thị T4 trình bày:

Năm 2013, anh B1 nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của anh Hà Công V. Khi mua bán, đất của anh V không có tranh chấp gì. Anh B1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay ông Hà Công N kiện tranh chấp với bà Nguyễn Thị T, đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình anh, anh B1 và chị Tuyển không nhất trí, gia đình anh, chị khi mua bán đã có đủ giấy tờ hợp pháp.

- Bà Hà Thị L, đại diện theo ủy quyền cho bà Hoàng Thị Q trình bày:

Bà Hoàng Thị L và bà Hoàng Thị Q là con dâu của cụ Q và cụ T. Quá trình giải quyết vụ án, bà L trình bày phần thừa kế của cụ Q và cụ T nếu bà L được hưởng bà đề nghị giao lại cho bà Quy. Bà Quy nhất trí nhận hưởng di sản theo đề nghị của bà L.

- Anh Hà Công Hiệp trình bày:Anh Hiệp là con trai ông N và bà Hoàng Thị Q, về nội dung vụ án ông Hà Công N (bố đẻ anh) kiện tranh chấp di sản thừa kế với bà Nguyễn Thị T, anh không nắm rõ nội dung vụ án. Ông Hoàng Đình T trình bày nếu được hưởng thừa kế thì giao lại cho anh Hiệp được sử dụng thì anh cũng nhất trí, không có ý kiến gì khác.

- Tại bản tự khai ngày 11/3/2021, Ông Bùi Ngọc Hồi – đại diện theo ủy quyền của UBND huyện C trình bày:

Hộ gia đình bà Nguyễn Thị T được UBND huyện Sông Thao (nay là huyện C, tỉnh Phú Thọ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 378, tờ bản đồ số 15, diện tích là 1.388m^2, trong đó: đất ở nông thôn = 400m^2, đất vườn (đất trồng cây lâu năm) = 988m^2. Địa chỉ thửa đất tại khu 3 Q, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ theo Quyết định số 2861/QĐ-UBND ngày 26/8/1998. Nguồn gốc đất, do bố mẹ chồng của bà T là ông Hà Công Q và bà Nguyễn Thị T để lại.

Năm 2014, bà T đã tặng cho một phần quyền sử dụng đất cho con trai là anh Hà Công V, diện tích 308m^2 thuộc một phần diện tích của thửa đất số 378, tờ bản đồ số 15 (bản đồ 299). Hộ anh Hà Công V đã được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Sau khi Tòa án nhân dân huyện C xét xử xong, trên cơ sở quy định của pháp luật đất đai, phòng Tài nguyên và Môi trường sẽ căn cứ vào bản án để thực hiện các nội dung có liên quan.

Tại bản tự khai ngày 12/7/2021 ông Hồi trình bày bổ sung: Tại bản tự khai ngày 11/3/2021, ông đã trình bày quan điểm đối với vụ án dân sự thụ lý số 42/2020/TLST-DS ngày 15/5/2020 về tranh chấp di sản thừa kế. Tuy nhiên, do sơ suất dẫn đến một số nội dung được nêu trình bày trong bản tự khai ngày 11/3/2021 chưa đúng như hồ sơ đang lưu trữ và quản lý.

Sau khi kiểm tra, rà soát lại các nội dung như đã trình bày trong bản tự khai, đối chiếu với bản đồ dải thửa đo vẽ năm 1987 và hồ sơ tài liệu đang lưu trữ xác định: hộ gia đình bà Nguyễn Thị T được UBND huyện Sông Thao cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G556 729 ngày 15/7/1998, tại thửa đất số 378, tờ bản đồ

số 15, diện tích là 1.388m^2; trong đó có một phần diện tích thuộc thửa đất 295 (thửa đất 295 có diện tích 2.216 m^2 loại đất hoang, nguồn gốc do hợp tác xã quản lý và một phần còn lại diện tích đất thuộc thửa số 298 (tờ bản đồ nền xanh đo vẽ năm 1987). Tài liệu, hồ sơ lưu trữ tại thời điểm năm 1987 trở về trước không thể hiện nguồn gốc của thửa đất số 298.

- ***Quá trình giải quyết vụ án, UBND xã T trình bày:***

Hộ gia đình bà Nguyễn Thị T được UBND huyện Sông Thao (nay là huyện C, tỉnh Phú Thọ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G556 729 ngày 15/7/1998, tại thửa đất số 378, tờ bản đồ số 15, diện tích là 1.388m^2. Thửa đất này bà T đã sử dụng ổn định nhiều năm đến thời điểm chính quyền địa phương làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (năm 1998) không có tranh chấp. Thửa đất này có một phần diện tích có nguồn gốc do Hợp tác xã quản lý. Việc hộ bà Nguyễn Thị T làm thủ tục hồ sơ tặng cho quyền sử dụng đất cho con trai là anh Hà Công V được thực hiện đúng quy trình và đúng quy định của pháp luật.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2021/DS-ST ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 609, 612, 613 Bộ luật dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Hà Công N về việc yêu cầu xác nhận nguồn gốc di sản, yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của cụ Hà Công Q và cụ Nguyễn Thị T để lại là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 378, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.388 m^2 tại Khu Q (nay là khu A), xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G556 729 do UBND huyện Sông Thao (nay là UBND huyện C) đã cấp cho bà Nguyễn Thị T ngày 15/7/1998 và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và các vấn đề khác.

Kháng cáo: Ngày 19/7/2021, ông Hà Công N làm đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2021/DS - ST ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Phú Thọ. Đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T số: 1208/QSDĐ.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, bà L (người đại diện theo ủy quyền của ông N) có nộp 01 biên bản xác minh tài sản đề ngày 18/11/1975 để tiến hành giám định. Tuy nhiên, qua quá trình giám định phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Phú Thọ đã kết luận đây là tài liệu được sao chụp bằng phương pháp Photocopy.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự có mặt không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án:

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà L là ông Nguyễn Bá L1 trình bày:

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ chứng cứ để chứng minh mà lại cho rằng không có cơ sở khẳng định thửa 298, diện tích 2.148 m^2 (bản đồ xanh) và diện tích đất 1.388m^2, thửa số 378, tờ bản đồ số 15, bản đồ 299, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà T ngày 15/7/1998 có nguồn gốc của cụ Q, cụ T là không chính xác. Bởi vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã bác đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Hà Công N là không đúng pháp luật.

Về tố tụng: thì Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng: Phần đất của anh P và phần đất của bà T sử dụng có nguồn gốc của ông Giá từ trước năm 1965 sau này ông Giá chuyển đi nơi khác thì thửa đất đó do HTX quản lý, xong Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Giá vào tham gia tố tụng với tư cách là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Do vậy, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên hủy bản án sơ thẩm của TAND huyện C.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông N là ông Lê Văn C trình bày: Nguồn gốc đất của cụ Q, cụ T thông qua lời trình bày của các con của các cụ, có xác nhận của người đại diện là ông Hùng, ông Hồi, các nhân chứng của người không phải là con của cụ Q, cụ T và thửa đất hiện nay chưa có gì thay đổi. Bản đồ 299, bản đồ 1997 đều có từ năm 1987 đến nay, tuy nhiên bà T sử dụng đất thời điểm này là tiếp nối thế hệ trước. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ biên bản xác minh để bác đơn của ông N là chưa vững chắc, cần xem xét làm rõ nguồn gốc, Trước khi ra bản đồ 299 thì ai là người sử dụng. Đề nghị xem xét những nhân chứng sống thời điểm đó để làm rõ. Nay Ông C đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện C giải quyết lại vụ án theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên toà khi giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đơn kháng cáo của đương sự đúng hạn luật định. Hội đồng xét xử đã xét xử đúng nguyên tắc, các bên đương sự đều thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo, đại diện viện kiểm sát đề nghị hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án

Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Hà Công N.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS – ST ngày 13/7/2021 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Ông N được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm Sát tỉnh Phú Thọ; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Kháng cáo của ông Hà Công N trong thời hạn luật định, nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Hội đồng xét xử phúc thẩm xét yêu cầu kháng cáo của ông Hà Công N và người bảo vệ quyền lợi cho ông N, bà L đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2021/DS - ST ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Phú Thọ và đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T số 1208/QSDĐ thì thấy:

- Theo như các tài liệu, hồ sơ địa chính do UBND xã lưu trữ không có tài liệu nào chứng minh thửa đất 298 (tờ bản đồ xanh cũ) có diện tích 2.148m^2 có nguồn gốc của cụ Hà Công Q và cụ Nguyễn Thị T. Thời điểm đo đạc bản đồ này được xác định vào năm 1980 và được phê duyệt năm 1986, tại thời điểm đo đạc dựng bản đồ, cụ Q và cụ T đã chết từ năm 1970. Ông X, bà T cùng anh T4 và các con của ông X quản lý trực tiếp đối với thửa đất này. Do không có tài liệu nào lưu trữ tại xã T thể hiện thửa đất số 298 (tờ bản đồ xanh cũ) diện tích 2.148m^2 có nguồn gốc của cụ Q và cụ T, nên cần căn cứ vào các tài liệu chứng cứ khác để xác định phần đất này có phải là di sản của cụ Q, cụ T hay không cụ thể:

Về nguồn gốc đất cấp cho bà T: Diện tích đất 1.388m^2 đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị T (thửa số 378, tờ bản đồ số 15 – Bản đồ 299): Ông N cho rằng, thửa đất này nằm toàn bộ trong diện tích đất 2.148m^2 (thửa đất số 298) tờ bản đồ xanh và có nguồn gốc của cụ Q và cụ T nhưng qua xác minh và so sánh tại tờ bản đồ số 15 (bản đồ xanh) và tờ bản đồ số 15 (bản đồ 299) đã được đo đạc chỉnh sửa lại thì thấy, thửa đất trên của hộ gia đình bà T không nằm toàn bộ trong thửa đất 298 cũ mà được hình thành bởi một phần của thửa đất 295 (bản đồ xanh) là quỹ đất có nguồn gốc do Hợp tác xã quản lý và một phần đất từ thửa đất 298 (Bản đồ xanh- 299). Tại sổ mục kê và sổ địa chính do UBND xã T quản lý đều ghi chép thửa đất số 378 thuộc quyền sử dụng của hộ bà Nguyễn Thị T. Như vậy, một phần đất bà T đang sử dụng là đất của hợp tác xã và sau này bà T đã hợp thức và được cấp bìa đỏ. Đối với phần đất còn lại của bà T cùng thửa đất anh P đang sử dụng: Tại biên bản xác minh nguồn gốc đất tại UBND xã T và biên bản lấy lời khai đối với ông Nguyễn Huy Ch (nguyên cán bộ xã T từ giai đoạn 1962 đến năm 1982) xác định, thửa đất hiện anh Hà Công P đang sử dụng và một phần thửa đất tại điểm có nhà của bà T phía giáp đường liên xóm hiện nay trước năm 1965 có nguồn gốc của gia đình cụ Nguyễn Hữu Giá. Khoảng năm 1964 – 1965, do khu vực đó mở đường nên cụ Giá đã bỏ đất đó và chuyển đến khu vực khác canh tác. Diện tích đất bị bỏ hoang, sau đó gia đình ông X, bà T và anh P khai hoang, cải tạo sử dụng ổn định. Anh Hà Công P, ông Hà Công N, bà Hà Thị L, anh Hà Công T1, anh Hà Công V và những người tham gia tố tụng khác đều thừa nhận, thửa đất số 408 (tờ bản đồ số 15) có nguồn gốc của ông Nguyễn Hữu Giá đã sử dụng trước đây. Khoảng năm 1964 - 1965, ông Giá chuyển đến khu vực đất khác

thì diện tích này đã bị bỏ hoang. Sau đó gia đình bà T cùng anh Hà Công P đến khai phá và sử dụng toàn bộ diện tích đất đó. Như vậy, một phần đất của bà T và đất anh P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc của ông Giá, sau này ông X, bà T và anh P khai hoang là đúng chứ không phải là di sản thừa kế của cụ Q, cụ T.

Các đương sự trong vụ án đều xác định toàn bộ diện tích 621m^2 (thửa số 407, tờ bản đồ số 15, bản đồ 299) (số liệu đo đạc theo bản đồ VN 2000 là 807,9m^2) hiện nay hộ anh T4 đang sử dụng. Nhưng trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì lại ghi nhầm thửa đất 408, diện tích 552m^2, thửa đất này hiện nay anh Hà Công P đang quản lý, sử dụng. Việc ghi nhầm số thửa và diện tích giữa anh T4 và anh P các bên không đề nghị Tòa án giải quyết mà sau này các anh đề nghị cấp có thẩm quyền đính chính lại trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phù hợp với thực tế nên cấp phúc thẩm không xem xét.

Trên đất có 01 nhà gỗ hiện nay đã được tu sửa là di sản thừa kế của cụ Q và cụ T để lại mặc dù không có giấy tờ gì thể hiện. Nhưng đây là sự thừa nhận của các đương sự nên là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Do vậy, kể từ thời điểm mở thừa kế thì nhà và đất này được xác định là di sản của cụ Q, cụ T. Tuy nhiên, các đương sự đều nhất trí để anh Hà Công T4 sử dụng, sở hữu để thờ cúng tổ tiên, không đề nghị chia di sản thừa kế đối với phần di sản này nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là phù hợp.

Theo ông N khai ông Nội ông có diện tích đất đã chia đều cho 03 người con mỗi người con một thửa cụ thể Cụ Q thửa 298, diện tích 2.148m ^{2},; cụ Hứng thửa 294, diện tích 2.106m ^{2} ; cụ Năm thửa 292, diện tích 2.116m ^{2} . Nhưng tại thời điểm các cụ được chia đất cũng không có giấy tờ gì và ông N cũng không biết các cụ chia đất cho các con thời gian nào và sau khi xem xét hình thù của 03 thửa đất trên bản đồ 299 thì cũng không liền thổ và từ trước khi lập bản đồ 299 cũng không có bản đồ nào khác. Như vậy việc ông N khai chỉ dựa vào số liệu của bản đồ 299. Do vậy cũng không có căn cứ để chứng minh nguồn gốc đất của cụ Q và cụ T là do bố, mẹ của cụ Q chia cho cụ Q.

- Tại cấp phúc thẩm bà L (Đại diện theo ủy quyền của ông Ninh) có xuất trình 01 biên bản xác minh tài sản ghi ngày 18/11/1975 có nội dung "tài sản của bố mẹ để lại gồm có 05 gian nhà gỗ soan, giường phản bàn ghế đồ thờ và một số vật dụng khác.vv và 2.500 m^2 đất (theo bản đồ cũ)..." nhưng thời điểm trước ngày 18/11/1975 chưa đo vẽ bản đồ mà mãi đến năm 1980 trở về sau này thì mới tiến hành đo đạc bản đồ 299 như vậy, nội dung nêu trên trong biên bản cũng không phù hợp với thực tế. Ông N khởi kiện và cho rằng căn cứ vào biên bản xác minh tài sản ghi ngày 18/11/1975 thì bố mẹ ông có diện tích đất trên và đề nghị chia di sản thừa kế ngoài ra không còn chứng cứ nào để chứng minh cụ Q và cụ T có diện tích đất 2.500 m^2, bà L nộp biên bản xác minh tài sản ghi ngày 18/11/1975 có chữ ký họ tên của ông Hà Công X, Hà Công N và Hà Công N cho rằng bản gốc. Nhưng tại kết luận giám định số 145/KLGĐ – 2021 ngày 27/12/2021 của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Phú Thọ kết luận lại là tài liệu được sao chụp bằng phương pháp

Photocopy nên không có giá trị sử dụng làm chứng cứ để chứng minh và ông N cũng như các đương sự khác cũng không cung cấp được bản gốc. Ngoài ra bà L còn cung cấp một số đơn xác nhận (được UBND xã T xác nhận về HKTT tại địa phương) của đương sự và những người làm chứng có các nội dung như sau:

+ Bà Hoàng Thị L cho rằng biên bản họp gia đình năm 1975 là đúng sự thật;

+ Bà Trần Thị Ty xác nhận nguồn gốc đất thổ cư của bà T là đúng sự thật;

+ Bà Hà Thị L nêu ý kiến: nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp không phải do hộ bà T khai hoang;

+ Bà Hà Thị N1 cho biết: thửa đất của bố mẹ bà để lại vẫn còn nguyên vẹn về ranh giới và phần di sản chưa được chia cho ai.

Những lời khai trên có quan điểm khác nhau và chỉ là lời khai một phía từ bản thân đương sự, những người làm chứng. Họ đều không cung cấp được chứng cứ, tài liệu nào khác để bảo vệ quan điểm của mình.

Từ những phân tích ở trên, xác định phần di sản của cụ Q và cụ T để lại hiện chỉ còn phần đất anh T4 đang sử dụng nhưng phía ông N và các thừa kế đã cho anh T4. Cụ Q, cụ T không còn di sản ở phần đất nào khác nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Công N là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

* Về yêu cầu xem xét hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G556 729 do UBND huyện Sông Thao (nay là UBND huyện C) đã cấp cho hộ bà Nguyễn Thị T ngày 15/7/1998, do xác định toàn bộ diện tích đất 1.388m^2, tại thửa đất số 378, tờ bản đồ số 15, bản đồ 299 đã được UBND huyện Sông Thao cấp cho hộ bà T không phải nguồn gốc do cụ Q và cụ T để lại nên Tòa án cấp sơ thẩm không có căn cứ xem xét yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như ông N đã đề nghị là có căn cứ.

Đối với yêu cầu của Ông C, Ông L đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm là không có căn cứ để chấp nhận.

Từ những phân tích trên, cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Phú Thọ là phù hợp.

[3]. Về chi phí tố tụng:

- Do yêu cầu khởi kiện của ông Hà Công N không được chấp nhận, ông Hà Công N phải chịu 2.300.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản. Xác nhận ông N đã nộp đủ số tiền chi phí trên.

- Anh Hà Công T1 đã nộp tạm ứng chi phí giám định đối với biên bản xác minh tài sản ngày 18/11/1975 là 12.000.000đ, chi phí giám định hết 3.000.000đ,còn lại 9.000.000đ đã trả lại cho anh T1.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm bà Hà Thị L là người đại diện theo ủy quyền của ông Hà Công N nộp biên bản xác minh tài sản ngày 18/11/1975 và cho rằng biên bản này là bản gốc. Nhưng sau khi giám định có kết luận là bản photocoppy do vậy số tiền chi phí giám định ông N phải chịu là 3.000.000đ. Do anh T1 đã nộp nên ông N phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho anh T1 3.000.000đ là phù hợp.

[4] Về án phí: Ông Hà Công N là người cao tuổi nên miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông N là phù hợp.

Đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Hà Công N.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2021/DS-ST ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Phú Thọ.

[1] Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Điều 157, Điều 158, Điều 160, Điều 161, Điều 162, Điều 165, Điều 166; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 609, 612, 613 Bộ luật dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[2] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Hà Công N về việc yêu cầu xác nhận nguồn gốc di sản, yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của cụ Hà Công Q và cụ Nguyễn Thị T để lại là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 378, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.388 m^2 tại Khu Q (nay là khu A), xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ đã được UBND huyện Sông Thao (nay là UBND huyện C) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G556 729 cho hộ bà Nguyễn Thị T ngày 15/7/1998 và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3] Về chi phí tố tụng:

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản: Ông Hà Công N phải chịu 2.300.000đ (Hai triệu ba trăm nghìn đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản. Xác nhận ông Hà Công N đã nộp đủ chi phí tố tụng.

- Về chi phí giám định: Ông Hà Công N phải chịu 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Xác nhận anh Hà Công T1 đã nộp 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Ông Hà Công N có nghĩa vụ hoàn trả lại cho anh Hà Công T1 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[4]. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho ông Hà Công N.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Điêu Thị Bích Lượt **Nguyễn Việt Tiến** **Nguyễn Hà Giang**

***Nơi nhận*:**
- *VKSND tỉnh Phú Thọ;*
- *Chi cục THADS huyện C;*
- *TAND huyện C;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: HS, VP.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hà Giang